

Bản án số: 29/2022/HS-ST
Ngày: 13- 7- 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MANG THÍT, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Vĩnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Bảy.

Bà Trần Thị Mỹ Trang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hoàng Cúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Võ Nhựt Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 24/2022/TLST-HS ngày 27 tháng 5 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2022/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 6 năm 2022, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn N, sinh ngày 01 tháng 04 năm 1982, tại thị xã G, tỉnh Tiền Giang. Nơi cư trú: Ấp 6, xã BX, thị xã G, tỉnh Tiền Giang; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị N (chết), mẹ kế là Nguyễn Thị U; vợ: Lưu Ngọc L; con: 02, lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh 2016; anh chị em ruột: không; tiền sự: chưa; tiền án: 05 tiền án:

+ Ngày 24/8/2006 bị Toà án nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang xử phạt 30 tháng tù về tội trộm cắp tài sản.

+ Ngày 11/12/2007 bị Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm tù về tội không tố giác tội phạm.

+ Ngày 14/01/2010 bị Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản.

+ Ngày 07/9/2012 bị Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xử phạt 04 năm tù về tội trộm cắp tài sản.

+ Ngày 28/12/2017 bị Toà án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Long xử phạt 03 năm tù về tội trộm cắp tài sản.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/3/2022 và có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Phạm Văn T, sinh năm 1966.

Địa chỉ: ấp PTA, xã N1, huyện M, tỉnh Vĩnh Long. (vắng mặt không lý do)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Lưu Ngọc L, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Số 5/60, ấp N2, xã T1, huyện H1, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 27/3/2022, bị cáo Nguyễn Văn N ở nhà vợ là Lưu Ngọc L tại Thành phố Hồ Chí Minh. Rạng sáng ngày 28/3/2021, bị cáo đón xe đi thành phố Cần Thơ mua gà đá. Khi xe chạy qua cầu Mỹ Thuận một đoạn thì xuống xe và thuê xe gắn máy chở khách đi đến C1 M1 thuộc ấp C1, xã M1, huyện M, tỉnh Vĩnh Long. Bị cáo đến C1 M1 vào khoảng 07 giờ cùng ngày 28/3/2022. Bị cáo điện thoại cho người bán gà, nhưng không liên lạc được. Ngồi uống cà phê khoảng 15 phút, thì phát hiện xe mô tô nhãn hiệu Future FI mang biển kiểm soát 64G1-383.97 của bị hại Phạm Văn T đậu không người trông giữ. Nảy sinh ý định lấy trộm xe, bị cáo lén lút đi lại vị trí xe, tay phải cầm thanh kim loại hình chữ “L” mang sẵn trong người cạy ổ khoá xe và dẫn xe lui về phía sau khoảng 02 mét, bị cáo ngồi lên xe khởi động máy chuẩn bị điều khiển xe tẩu thoát thì bị người dân phát hiện, khống chế và bắt giữ.

Tại bản kết luận giá tài sản số 06/KLĐGTS ngày 29/3/2022 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện Mang Thít kết luận: Giá trị xe mô tô màu đỏ-nâu- đen, nhãn hiệu Future FI mang biển kiểm soát 64G1-383.97 có giá trị sử dụng còn lại là 31.230.000 đồng.

Ngày 01/4/2022, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Mang Thít khởi tố đối với bị cáo về tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Cáo trạng số: 25/CT-VKS.HMT ngày 25/5/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít đã truy tố bị cáo về tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Văn N, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng điểm g khoản 2, khoản 5 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38, xử phạt bị cáo từ 03 (ba) năm đến 04 (bốn) năm tù; miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo. Trách nhiệm dân sự đã xử lý xong, miễn xét. Vật chứng đã xử lý xong, miễn xét. Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016, buộc bị cáo nộp án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng.

Lời nói sau cùng, bị cáo thừa nhận cáo trạng số 25/CT-VKS.HMT ngày 25/5/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít đã truy tố bị cáo là đúng toàn bộ. Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt để có điều kiện lo cho hai con nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Văn N thừa nhận hành vi phạm tội đúng như Cáo trạng 25/CT-VKS.HMT ngày 25/5/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít đã truy tố bị cáo. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và phù hợp với tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản xác định hiện trường, lời khai người làm chứng, lời khai bị hại, vật chứng thu giữ, kết luận định giá tài sản. Bị cáo xác định không khiếu nại đối với quá trình tiến hành tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, của Điều tra viên, của Kiểm sát viên và lời khai của bị cáo là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép cung hay dùng nhục hình. Do đó, hành vi và chứng cứ, tài liệu của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, qua lời khai của bị cáo đã thể hiện:

Vào khoảng 07 giờ cùng ngày 28/3/2022, bị cáo ngồi uống cà phê tại C1 M1, thuộc ấp C1, xã M1, huyện M, tỉnh Vĩnh Long. Bị cáo phát hiện xe mô tô nhãn hiệu Future FI mang biển kiểm soát 64G1-383.97 của bị hại Phạm Văn T đậu không người trông giữ. Nảy sinh ý định lấy trộm xe, bị cáo lén lút đi lại vị trí xe, tay phải cầm thanh kim loại hình chữ “L” mang sẵn trong người cạy ổ khoá xe và dẫn xe lui về phía sau khoảng 02 mét, bị cáo ngồi lên xe khởi động máy chuẩn bị điều khiển xe tẩu thoát thì bị người dân phát hiện, không chế và bắt giữ là đúng sự thật.

Bị cáo là người đủ tuổi và đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, đã cố ý thực hiện hành vi lén lút lấy trộm tài sản của bị hại có giá trị 31.230.000 đồng. Đây là hành vi trái pháp luật hình sự, nguy hiểm cho xã hội. Do đó, đã đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo đã phạm vào tội: Trộm cắp tài sản theo quy định tại Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Bị cáo đã có 05 tiền án, gần nhất là ngày 28/12/2017 bị Toà án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Long xử phạt 03 năm tù về tội trộm cắp tài sản, thi hành án phạt tù xong ngày 20/02/2021. Đến ngày 28/3/2022 bị cáo lại thực hiện tội phạm do cố ý. Nên đủ cơ sở xác định bị cáo phạm tội với tình tiết tăng nặng định khung “Tái phạm nguy hiểm” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[2]. Tài sản là sự kết tinh giữa trí lực và sức lực của con người tạo ra và được pháp luật bảo vệ. Pháp luật nghiêm cấm mọi hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác khi chưa có sự đồng ý của chủ sở hữu. Ở đây bị cáo đã có đủ điều kiện để lao động tạo ra tài sản nuôi sống bản thân. Nhưng, do lười lao động nên bị cáo đã

cố ý lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác một cách trái pháp luật, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân, gây mất trật tự trị an của địa phương, ảnh hưởng đến phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá khu dân cư. Bị cáo đã có 05 tiền án, thi hành án phạt tù xong vào ngày 20/02/2021. Lẽ ra, sau khi thi hành án xong các bản án trước, bị cáo đã trở thành một công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội. Ngược lại, bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác nên cần phải xử lý thật nghiêm để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[3]. Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

3.1. Tình tiết tăng nặng: Không.

3.2. Tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[4]. Về tang vật, vật chứng:

4.1. Xe mô tô nhãn hiệu Future FI mang biển kiểm soát 64G1-383.97 của bị hại Phạm Văn T. Cơ quan điều tra hoàn trả cho bị hại là đúng quy định tại khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự và điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

4.2. Một điện thoại di động hiệu Vsmart màu xanh, một bóp da màu đen có ghi dòng chữ EFIRO và 2.840.000 đồng. Đây là tài sản hợp pháp của bị cáo, không phải là vật chứng trong vụ án. Cơ quan điều tra hoàn trả cho vợ bị cáo tên Lưu Ngọc L quản lý là đúng điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

4.3. Thanh sắt chữ “L” là công cụ thực hiện tội phạm. Cơ quan điều tra không thu hồi được nên không xử lý.

[5]. Về bồi thường thiệt hại: Bị hại, không yêu cầu bồi thường thiệt hại đối với xe nên không xét.

[6]. Xét hoàn cảnh khó khăn của gia đình của bị cáo, nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

[7]. Về án phí hình sự sơ thẩm:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm là đúng quy định.

Đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đã xem xét đến các chứng cứ được đưa ra thẩm tra tại phiên tòa, đã đánh giá đúng hành vi, tính chất và mức độ phạm tội của bị cáo. Về đề nghị mức hình phạt, đại diện Viện kiểm sát đã xem xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo. Do đó, chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội: “Trộm cắp tài sản”

Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự; xử:

Phạt bị cáo Nguyễn Văn N 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo Nguyễn Văn N bị tạm giữ, tạm giam là ngày 28/3/2022.

2. Về bồi thường thiệt hại: Không xét.

3. Về vật chứng: Đã xử xong trong quá trình điều tra.

4. Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo Nguyễn Văn N.

5. Về án phí hình sự sơ thẩm:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án: Buộc bị cáo Nguyễn Văn N nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai. Tuyên án có mặt bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị hại Phạm Văn T vắng mặt, báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- Sở Tư pháp Vĩnh Long;
- VKSND huyện M;
- Công an huyện M;
- THADS huyện M;
- UBND xã BX;
- Bị cáo, đương sự;
- Lưu;
- Phòng hồ sơ CAT Vĩnh Long.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Huỳnh Văn Vĩnh